TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-PT.
Ngày 26/02/2025.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền; Bà Hoàng Thị Hải Hường

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Như Ý - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 26/02/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2024/TLPT-HNGĐ ngày 27/11/2024 về việc: "*Ly hôn, tài sản chung khi ly hôn"*do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2025/QĐ-PT ngày 07/01/2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 36/2025/TB - LPT ngày 22/01/2025; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2025/QĐ-PT ngày 20/02/2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn**:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Ông Lê Văn T, luật sư thuộc Văn phòng L – Đoàn luật sư tỉnh B

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

**** Bị đơn**:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Trần Thị T3, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

*** Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày*:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 28/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ năm 2022, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng chị đã cố hàn gắn nhưng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2023 chị và anh T1 sống ly thân, chị đã bỏ về Bản B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có tài sản chung là: Căn nhà 2,5 tầng, diện tích khoảng 60m^2 xây dựng năm 2021 trên thửa đất của ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3 (bố mẹ chồng chị) tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần D có trị giá là 401.615.974đồng.

Chị đề nghị phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, chị và anh T1 mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản chung, giao quyền sở hữu nhà cho anh T1, anh T1 trích chia cho chị bằng tiền.

Về công nợ: Vợ chồng chị không cho ai vay và không nợ ai.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có lời khai trình bày:* Về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị H trình bày. Vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn cãi nhau, đã sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung vợ chồng anh không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung là nhà 2,5 tầng và công trình phụ xây dựng trên phần đất của ông T2, bà T3 là bố mẹ anh. Nguồn tiền xây dựng của vợ chồng anh và của ông T2, bà T3 có khoảng 100.000.000 đồng, tổng số tiền xây dựng và hoàn thiện khoảng 300.000.000đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T3 có lời khai trình bày*: Vợ chồng bà có quyền sử dụng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích

296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Năm 2020 anh T1 kết hôn với chị H về chung sống với vợ chồng bà tại thửa đất trên. Năm 2021 được sự đồng ý của vợ chồng bà, anh T1, chị H xây dựng một nhà ở nằm sát cạnh nhà ở cũ của vợ chồng bà tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6. Thời điểm xây nhà vợ chồng bà có 100.000.000 đồng tặng cho vợ chồng chị H, anh T1. Nay bà không yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 33, Điều 39, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về tài sản chung: Xác định vợ chồng chị H, anh T1 có tài sản chung là: Căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1 sàn 42,7m^2 gắn liền với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang của ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3.

Giao cho anh T1 quyền sở hữu căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1 sàn 42,7m^2 gắn liền với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có trị giá 401.615.974đồng.

Anh T1 phải trích chia cho chị H ½ giá trị căn nhà với số tiền là 200.807.987đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 13/10/2024, VKSND thành phố Bắc Giang ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/VKS-HNGĐ đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Giao cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3 được quyền sở hữu căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1 sàn 42,7m^2 trên thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ông T2 và bà T3 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị H mỗi người 200.807.987đồng.

* Ngày 30/10/2024, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa

bản án sơ thẩm theo hướng chia tài sản chung làm 03 phần cho bố mẹ anh một phần, anh một phần và chị H một phần.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt và không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Bị đơn anh T1 trình bày tại phiên tòa: Anh thay đổi nội dung kháng cáo. Anh đề nghị HĐXX chia tài sản chung cho anh được 70%, chị H 30% giá trị tài sản vì khi xây dựng nhà bố mẹ đẻ anh có đóng góp cho vợ chồng anh 100.000.000đồng để làm nhà nên anh xác định anh có công sức đóng góp nhiều hơn chị H.

* Nguyên đơn chị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị của VKSND thành phố Bắc Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1. Chấp nhận kháng nghị của VKSND thành phố Bắc Giang. Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xử: sửa bản án sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể:

Giao cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3 được quyền sở hữu căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1 sàn 42,7m^2 trên thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ông T2, bà T3 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T1 mỗi người số tiền 200.807.987đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Anh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Các đương sự đều được Toà án triệu tập hợp lệ. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên toà đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ quy định tại Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét kháng nghị của VKSND thành phố Bắc Giang, HĐXX thấy:

Tài sản chung của anh T1, chị H là căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1

sàn 42,7m^2 gắn liền với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên tài sản này được xây dựng trên thửa đất thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3 là bố mẹ đẻ của anh T1. Bản án sơ thẩm quyết định giao nhà mà không giao đất là không giữ nguyên được tính năng sử dụng, không đảm bảo giá trị pháp lý, dẫn đến khó khăn trong việc thi hành án. Nếu phân chia tài sản khi ly hôn thì cần quyết định giao toàn bộ các tài sản này cho ông T2, bà T3 là những người có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và ông T2, bà T3 có nghĩa vụ trích chia lại bằng tiền cho anh T1, chị H mỗi người số tiền: **401.615.974đồng : 2 = 200.807.987đồng** như kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1: Tại đơn kháng cáo đề ngày 30/10/2024, anh T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung theo hướng chia 03 tài sản khi ly hôn (chia cho ông T2 bà T3 01 phần và anh T1, chị H mỗi người 01 phần). Tại phiên toà phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T1 thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX chia tài sản chung cho anh được 70%, chị H 30% giá trị tài sản do căn nhà được xây dựng trên thửa đất đứng tên bố mẹ đẻ anh. Quá trình xây nhà, bố mẹ anh có cho vợ chồng anh 100.000.000đồng để làm nhà nên anh xác định anh có công sức đóng góp nhiều hơn chị H.

HĐXX thấy: Chị H, anh T1, bà T3 đều thừa nhận căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1 sàn 42,7m^2 trên thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang được xây dựng vào năm 2021 là trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H, anh T1. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của vợ chồng chị H, anh T1 là căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1 sàn 42,7m^2 xây dựng trên thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang của ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3 là có căn cứ. Chị H xác định nguồn tiền xây nhà là từ tiền của hai vợ chồng. Anh T1 xác định nguồn tiền xây nhà từ tiền của hai vợ chồng và được ông T2, bà T3 cho thêm 100.000.000đồng. Tuy nhiên anh T1 không xuất trình được tài liệu chứng minh việc ông T2, bà T3 cho vợ chồng anh chị số tiền trên. Do vậy Hội đồng xét cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1.

[4]. Từ những nội dung trên, HĐXX căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 148 BLTTDS, xử: Chấp nhận kháng nghị của VKSND thành phố Bắc Giang, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1. Sửa bản án sơ thẩm số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về việc chia tài sản chung theo hướng nhận định nêu trên.

[5]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Giá trị tài sản của chị H và anh T1 mỗi người được hưởng là 200.807.987đồng nên chị H, anh T1 mỗi người phải chịu 10.040.399đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của VKSND thành phố Bắc Giang. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1 về việc chia tài sản chung. Sửa bản án sơ thẩm số: số 58/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về việc chia tài sản chung.

* Xác định: Căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1 sàn 42,7m^2 trên thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang của ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3 là tài sản chung của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T1.

- Giao cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3 được quyền sở hữu căn nhà 2,5 tầng, diện tích xây dựng 1 sàn 42,7m^2 trên thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6, diện tích 296,4m^2 tại thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ông T2, bà T3 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T1 mỗi người số tiền 200.807.987đồng.

2. Về tiền lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, ngoài số tiền phải trả bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 , khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 10.040.399 đồng án phí chia tài sản, tổng 10.340.399đồng nhưng được trừ vào số tiền 7.800.000đồng chị H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001757 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị H phải nộp tiếp số tiền 2.540.399đồng.

Anh T1 phải chịu 10.040.399 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002128 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh T1 phải nộp tiếp số tiền 9.740.399đồng.

- Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND TP Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thông